

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 27-01-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Diệu Hiền

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Kim Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 298/2020/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HGND ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thúy L, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số 32/1A, Trần Phú, Khóm 2, Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 32/1A, Trần Phú, Khóm 2, Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Thúy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N thông qua mai mối tìm hiểu khoảng 01 tháng thì tiến tới hôn nhân chung sống vợ chồng vào năm 1994, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2002 tại UBND Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung bên nhà cha mẹ chị L được khoảng 03 năm thì về Phường 3 cất nhà ở riêng cho đến nay (đất là Nhà nước cho ở nhờ). Quá trình vợ chồng chung sống không được hạnh phúc, do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi khi nhậu say anh N thường kiếm chuyện chửi mắng vợ con. Năm 2019 chị L đã nộp đơn yêu cầu ly hôn anh N, nhưng sau đó chị L đã rút đơn lại cho anh N thêm cơ hội để sửa đổi. Tuy nhiên, anh N cũng không sửa đổi được, mỗi khi uống rượu say là về nhà kiếm chuyện với vợ con. Hiện nay, chị L và anh N vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị L nhận thấy cuộc sống hôn nhân với anh N không còn hạnh phúc, tình cảm của chị đối với anh N không còn nên chị L yêu cầu ly hôn anh N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống với anh N có 03 con chung tên Võ Ngọc D, sinh năm 1996, Võ Trung H, sinh năm 2001 và Võ Thị Cẩm E, sinh ngày 10/5/2007, hiện các con đang sống chung với chị L và anh N. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Võ Thị Cẩm E. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Võ Ngọc D và Võ Trung Hậu đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị L và anh N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Võ Thành N: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến con ngày 22/12/2020 cháu Võ Thị Cẩm E trình bày: Khi cha mẹ ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị L.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Cho chị L và anh N ly hôn; Về con chung: Giao cho chị L được quyền nuôi con tên Võ Thị Cẩm E. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu

cầu nên không xem xét. Về chia tài sản chung, nợ chung đương sự xác định không yêu cầu giải quyết nên không xem xét,

Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Khóm 2, Phường 3, thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Thành N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thúy L và anh Võ Thành N chung sống vợ chồng từ năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2002 tại UBND Phường 3, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị L và anh N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống và công việc. Anh N là trụ cột trong gia đình nhưng không lo làm ăn, tạo ra thu nhập để lo cho cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu và khi uống say còn kiếm chuyện la mắng vợ con. Mặc dù chị L đã khuyên và cho anh N nhiều cơ hội nhưng anh N vẫn không sửa đổi. Hiện vợ chồng sống chung nhà nhưng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Từ đó cho thấy cho mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã không thể hàn gắn được nữa.

Tại phiên tòa, chị L xác định không còn tình cảm với anh N, chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn anh N. Về phía anh N quá trình giải quyết vụ án anh N mặc dù biết chị L yêu cầu ly hôn nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị L, cho thấy anh N đã từ bỏ quyền lợi của mình, anh N không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N đã không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng giữa vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng. Do đó, chị L yêu cầu ly hôn anh N là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh N chung sống có 03 con chung tên Võ Ngọc D, sinh năm 1996 (đã thành niên), Võ Trung H, sinh năm 2001 (đã thành niên) và Võ Thị Cẩm E, sinh ngày 10/5/2007, hiện con đang sống chung với chị L

và anh N. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Võ Thị Cẩm E. Xét thấy, từ khi được sinh ra cho đến nay cháu E sống chung với chị L và anh N, hiện nay có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Hiện cháu E cũng còn nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ. Phía anh N không có sự quan tâm chăm sóc cũng như phụ tiếp tiền bạc để chị L lo cho con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao Võ Thị Cẩm E cho chị L tiếp tục trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu E và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho cháu E trong sinh hoạt cũng như cuộc sống. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 02 con chung Võ Ngọc D và Võ Trung H đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy L. Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy L và anh Võ Thành N.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Thúy L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Cẩm E, sinh ngày 10/5/2007, hiện con đang sống với chị L và anh N.

Anh Võ Thành N có trách nhiệm giao con tên Võ Thị Cẩm E cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn.

Anh Võ Thành N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thúy L không yêu cầu anh Võ Thành N cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

Đối với 02 con chung tên Võ Ngọc D, sinh năm 1996 và Võ Trung H, sinh năm 2001 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Thúy L xác định không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thúy L nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp ngày 14/10/2020 theo biên lai thu số 0008414 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND Phường 3, TP Sa Đéc;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phần

